

ẢNH HƯỞNG CỦA QUAN HỆ SỞ HỮU CHÉO TRONG CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM - TRƯỜNG HỢP SCB

Ngày nhận: 09/10/2013
Ngày nhận lại: 31/11/2013
Ngày duyệt đăng: 12/12/2013
Mã số: 12-13-CD-16

TS. Phan Diên Vỹ
Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM

Tóm tắt: Bài viết đưa ra định nghĩa sở hữu chéo và các hình thức sở hữu chéo được quy định trong Luật các Tổ chức tín dụng. Trên cơ sở đó, bài viết nghiên cứu thực trạng và ảnh hưởng của sở hữu chéo của nhóm cổ đông liên quan đến việc tài trợ cho các doanh nghiệp có cùng chủ sở hữu, cho cổ đông lớn của cùng một doanh nghiệp và đầu tư vốn vào cổ đông của chính ngân hàng thông qua phân tích điển hình trường hợp hợp nhất của SCB. Cuối cùng, tác giả đề xuất một số giải pháp giảm bớt ảnh hưởng của sở hữu chéo đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Từ khóa: Sở hữu chéo, nhóm cổ đông liên quan, SCB, SHB.

Đặt vấn đề

Hoạt động của ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) Việt Nam, việc xác định đúng chủ sở hữu vốn cổ phần rất phức tạp do việc cử đại diện, đứng tên giùm nhằm lách luật, tránh né sự kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về tỷ lệ tham gia vốn góp cổ phần. Mặt khác, sự phức tạp của nó còn kéo theo nhiều hệ lụy trong quá trình quản trị và điều hành hoạt động ngân hàng. Hiện nay, các quy định pháp lý trong hoạt động ngân hàng chưa thấy có quy định rõ ràng về sở hữu chéo vốn cổ phần. Việc xác định sở hữu chéo vốn cổ phần trong các nhóm cổ đông lớn của NHTM có một ý nghĩa thực tiễn cho việc quản lý hệ thống ngân hàng theo định hướng mục tiêu, chiến lược đề ra; hạn chế những xáo trộn và tác động bất cập do các xung đột lợi ích của các nhóm cổ đông gây nguy hại, ảnh hưởng xấu đến sự ổn định của cả hệ thống ngân hàng nói riêng và những tác động lớn làm ảnh hưởng đến sự tăng trưởng kinh tế nói chung.

Cơ sở lý thuyết

Sở hữu chéo là việc những tổ chức, cá nhân đang nắm giữ sở hữu cổ phần xen lẫn nhau tại

các công ty, doanh nghiệp trong cùng một thời điểm. Sở hữu chéo có thể chia thành hai loại là sở hữu chéo cổ phần giữa các công ty trong cùng một tập đoàn và sở hữu chéo cổ phần phản ánh các mối quan hệ kinh doanh bên ngoài một tập đoàn chẳng hạn như giữa các nhà cung cấp và khách hàng (Guo và Yakura, 2010).

Luật các Tổ chức tín dụng (2010) có quy định: Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng (TCTD) (Khoản 1, Điều 55); Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của một TCTD (Khoản 2, Điều 55), trừ các trường hợp sau đây: (i) Sở hữu cổ phần theo quy định tại Khoản 3 Điều 149 của Luật này để xử lý TCTD gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống TCTD; (ii) Sở hữu cổ phần nhà nước tại TCTD cổ phần hóa; (iii) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Luật này. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 20% vốn điều lệ của một TCTD (Khoản 3, Điều 55). Tỷ lệ sở hữu quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần (Khoản 4, Điều 55).